

Bản án số: **06/2021/DS-ST**
Ngày: 26-3-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
mua bán tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi
2. Bà Võ Thị Thúy An

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-DS ngày 16-10-2020 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh C

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Bùi Thúy D**, sinh năm 1996, trú tại: ấp M, xã M, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2020) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1977 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Bà **Lê Kim T**, sinh năm 1982 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị **Bùi Thúy D** trình bày:*

Ngày 09/01/2018 ông Trần Văn H, bà Lê Kim T với Hộ kinh doanh C thống nhất thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để ông H, bà T nuôi tôm với nhau, cụ thể Hộ kinh doanh sẽ cung ứng thức ăn tôm, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông H, bà T (hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng).

Hai bên thực hiện được một thời gian cho đến ngày 28/3/2018 là lần giao dịch mua bán cuối cùng giữa hai bên, khi đó ông H, bà T còn nợ lại Hộ kinh doanh C tổng cộng số tiền 71.773.000 đồng. Sau đó ông H, bà T có ký xác nhận nợ vào ngày 01/5/2020 và có trả được 2.000.000 đồng vào ngày 29/6/2020 nên còn nợ lại 69.773.000 đồng, từ đó đến nay không trả thêm lần nào, mặc dù có đòi nhiều lần nhưng ông H, bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không trả.

Nay đại diện cho Hộ kinh doanh C yêu cầu ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải trả cho Hộ kinh doanh C số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là **70.643.000đ** (Bảy mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), trong đó: Gốc 69.773.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/8/2020 (01 tháng 15 ngày) bằng 870.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 bị đơn ông **Trần Văn H**, bà **Lê Kim T** trình bày:* Thừa nhận khoảng năm 2019 ông, bà với Hộ kinh doanh C có thỏa thuận bằng miệng hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm với nhau.

Quá trình mua bán thì phía Hộ kinh doanh C tự ngưng không cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông, bà nữa. Thừa nhận chỉ còn nợ Hộ kinh doanh C số tiền 67.773.000 đồng, do trước đó đã được 2.000.000 đồng nhưng phía đại diện Hộ kinh doanh C không viết biên nhận hay giấy tờ gì cho ông bà.

Nay thừa nhận hiện còn nợ và chỉ đồng ý trả Hộ kinh doanh C số tiền gốc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là 67.773.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Bùi Thúy Duy vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải trả cho nguyên đơn số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là **70.643.000đ** (*Bảy mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó: Gốc 69.773.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/8/2020 (01 tháng 15 ngày) bằng 870.000 đồng.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nH định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” của nguyên đơn Hộ kinh doanh C. Nhưng bị đơn ông H, bà T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 11/12/2020 Tòa án nH được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của chị Bùi Thúy D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông H, bà T (đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử), nhưng ông H, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời tại

phiên tòa, chị Bùi Thúy Duy là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn Hộ kinh doanh C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải trả số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản* và ông H, bà T có nơi cư trú cũng như nơi thực hiện hợp đồng là tại ấp M, xã M, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày thừa nhận của bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở để xác định: Giữa Hộ kinh doanh C với ông Trần Văn H, bà Lê Kim T có hợp đồng bằng miệng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm với nhau. Cụ thể: Hộ kinh doanh C cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản để ông Trần Văn H, bà Lê Kim T nuôi tôm. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 01/5/2020 ông H, bà T còn nợ lại Hộ kinh doanh C số tiền 71.773.000 đồng.

Theo ông H, bà T xác định và thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 thể hiện: ông bà có nợ Hộ kinh doanh C số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm là 71.773.000 đồng, đồng thời bà T là người trực tiếp ký và ghi nội dung còn thiếu số tiền này vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ đề ngày 01/5/2020 và sau đó vào ngày 29/6/2020 có trả được cho nguyên đơn một lần 2.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 67.773.000 đồng.

Lời trình bày của bị đơn ông H, bà T về số tiền còn nợ nguyên đơn là không có căn cứ để xác định ông bà chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 67.773.000 đồng. Bởi lẽ, ngày 01/5/2020 bà T ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ và thừa nhận nội dung còn nợ nguyên đơn số tiền 71.773.000 đồng, đến ngày 29/6/2020 trả thêm cho nguyên đơn được 2.000.000 đồng, ngoài ra từ đó đến nay không trả thêm đồng nào. Như vậy, số tiền ông H, bà T còn nợ ngày 01/5/2020 là 71.773.000 đồng trừ cho số tiền ông bà trả vào ngày 29/6/2020 là 2.000.000 đồng nên ông bà còn nợ lại 69.773.000 đồng.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông H, bà T phải trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh C số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là 69.773.000 đồng.

Về thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng, tuy người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn không thống nhất với nhau, nhưng đến tại thời điểm này không ai có ý kiến tranh chấp về vấn đề này nên HĐXX cũng không cần thiết xác định chính xác thời gian ký kết hợp đồng giữa hai bên.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối số tiền gốc mua bán còn thiếu là 69.773.000 đồng từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/8/2020 theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Vì, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng như bị đơn đã xác định mốc thời điểm cuối cùng bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là ngày 29/6/2020 và cũng từ đó đến nay chưa trả thêm cho nguyên đơn số tiền mua bán còn thiếu được đồng nào. Tuy trong hợp đồng giữa hai ký kết không có thỏa thuận lãi suất, nhưng kể từ ngày 29/6/2020 đến nay ông H, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho Hộ kinh doanh C mặc dù có đòi nhiều lần. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“.....có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”* mà mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%/năm, như vậy mức lãi suất trong trường hợp này được xác định là 10%/năm = 0,83%/tháng.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, thì số tiền lãi Hộ kinh doanh C yêu cầu được tính toán cụ thể như sau:

- Thời gian từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/8/2020 là 01 tháng 15 ngày.
- Số tiền lãi là: 868.660 đồng làm tròn 870.000 đồng. Trong đó:
 - + $(69.773.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng) = 579.115 \text{ đồng/tháng}$
 - + $579.115 \text{ đồng/tháng} : 30 \text{ ngày} = 19.303 \text{ đồng/ngày} \times 15 \text{ ngày} = 289.545 \text{ đồng}.$

Từ các phân tích trên xác định, nay ông H, bà T có trách nhiệm phải trả cho Hộ kinh doanh C số tiền mua bán còn nợ và lãi do chậm trả tiền mua bán tổng cộng là **70.643.000đ** (*Bảy mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), vì đây là nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo quy định tại Điều 274, 275, 280, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nh.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải chịu **3.532.150** đồng là tròn **3.532.000** đồng (**70.643.000đ x 5%**) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 274, 275, 280, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải trả cho Hộ kinh doanh C số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là **70.643.000đ** (*Bảy mươi triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó: Gốc 69.773.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/8/2020 (01 tháng 15 ngày) bằng 870.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Hộ kinh doanh C, nếu ông Trần Văn H, bà Lê Kim T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho Hộ kinh doanh C thì hàng tháng ông Trần Văn H, bà Lê Kim T còn phải trả tiền lãi cho Hộ kinh doanh C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn H, bà Lê Kim T phải chịu **3.532.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh C **1.766.000** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009928 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nH:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh